

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12/9/2025
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Lãnh và Ông Phạm Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24/6/2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Phương T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn Quân, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 17/6/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Phương T (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Triệu Văn Q (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ). Trong thời gian chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được. Đến nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 9 năm

2024 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Về con chung: không có. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn gửi cho Tòa ý kiến trình bày: Đồng ý với đơn ly hôn ngày 17/6/2025 của vợ về hôn nhân, con chung, tài sản chung. Vì điều kiện đi làm xa không đến Tòa được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, con chung, tài sản chung; bị đơn vắng mặt, xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện VKSND khu vực 15 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, tài sản chung: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: xã E, tỉnh Đắk Lắk theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 27/02/2023 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; bị đơn gửi văn bản trình bày ý kiến thống nhất ly hôn. Xét ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với Biên bản xác minh ngày 20/8/2025 tại Hội phụ nữ xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về con chung và tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0002146 ngày 24/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên (cũ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Phương T.

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trương Thị Phương T được ly hôn bị đơn Triệu Văn Q.

- Về con chung và tài sản chung: Không có nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn Trương Thị Phương T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0002146 ngày 24/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ).

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 15 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIỀN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ ÁI LIÊN

BÙI CHÂU KHA

HUỲNH THỊ THU SƯƠNG